

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN
NAM VIỆT

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 13 - 50 |
| 8. Phụ lục | 51 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Nam Việt là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736 (số cũ 5203000050), đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 14 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Điện thoại : (84-76) 3834060
- Fax : (84-76) 3834054

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm...);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Mua bán kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Lắp đặt hệ thống điện.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|---------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Doãn Tới | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2011 |
| Ông Nguyễn Duy Nhứt | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2011 |
| Ông Doãn Chí Thanh | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2011 |
| Ông Đỗ Lập Nghiệp | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2011 |
| Ông Trần Minh Cảnh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2011 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------|------------|-----------------------------------|
| Ông Dương Minh Phong | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2014 |
| Bà Lê Thị Tuyết Mai | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Văn Bảy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2013 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|------------------------|-------------------|---------------------------------------|
| Ông Doãn Tới | Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2015 |
| Bà Dương Thị Kim Hương | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2007 |
| Ông Nguyễn Duy Nhứt | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2008 |
| Ông Đỗ Lập Nghiệp | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 03 tháng 08 năm 2011 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Doãn Tới – Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2011).

Ông Doãn Tới đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Duy Nhứt ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Giấy ủy quyền số 01/KT ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Duy Nhứt

Phó Chủ tịch

Ngày 28 tháng 3 năm 2016





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0393/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2016, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nam Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0327-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.715.681.170.482 | 1.865.500.421.772 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 10.498.978.823 | 5.981.177.965 |
| 1. Tiền | 111 | | 10.498.978.823 | 5.981.177.965 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 358.571.806.621 | 681.472.010.138 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 251.470.219.508 | 430.760.496.927 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 82.125.352.147 | 96.151.271.641 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4 | 1.485.000.000 | 67.821.062.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 54.508.457.636 | 176.396.377.557 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (31.017.222.670) | (89.670.809.551) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | 13.611.564 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1.307.194.200.243 | 1.144.937.348.603 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 1.308.854.740.852 | 1.146.119.358.625 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.7 | (1.660.540.609) | (1.182.010.022) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 39.416.184.795 | 33.109.885.066 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 5.920.577.747 | 5.782.508.084 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 33.495.607.048 | 27.327.376.982 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.395.938.723.538 | 1.337.761.248.271 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 12.427.209.036 | 7.028.848.533 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 12.427.209.036 | 7.028.848.533 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 430.378.579.553 | 339.842.622.199 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 136.340.194.728 | 157.538.070.584 |
| - Nguyên giá | 222 | | 418.753.621.475 | 406.020.454.270 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (282.413.426.747) | (248.482.383.686) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.10 | 80.341.191.183 | 66.153.699.095 |
| - Nguyên giá | 225 | | 114.597.109.234 | 86.357.777.829 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (34.255.918.051) | (20.204.078.734) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 213.697.193.642 | 116.150.852.520 |
| - Nguyên giá | 228 | | 215.658.800.425 | 117.035.759.775 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.961.606.783) | (884.907.255) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 110.011.543.052 | 164.723.102.303 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.12 | 110.011.543.052 | 164.723.102.303 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 794.334.307.328 | 764.055.784.867 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.13 | 39.499.104.000 | 39.499.104.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.13 | 624.900.000.000 | 517.355.000.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.13 | 215.325.000.000 | 221.023.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.13 | (85.389.796.672) | (13.821.319.133) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 48.787.084.569 | 62.110.890.369 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 48.787.084.569 | 62.110.890.369 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 3.111.619.894.020 | 3.203.261.670.043 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.858.420.392.527 | 1.896.947.316.416 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.612.012.426.487 | 1.791.647.007.129 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14 | 223.426.729.419 | 352.107.800.833 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15 | 7.730.469.599 | 22.954.686.375 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 3.680.719.343 | 1.206.600.207 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.17 | 22.690.688.262 | 24.001.821.259 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.18 | 6.513.667.777 | 7.275.010.906 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.19 | 62.327.153.876 | 31.923.500.608 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.20a | 1.284.436.848.631 | 1.350.935.564.358 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.21 | 1.206.149.580 | 1.242.022.583 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 246.407.966.040 | 105.300.309.287 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.20b | 246.407.966.040 | 105.300.309.287 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.253.199.501.493 | 1.306.314.353.627 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 1.253.199.501.493 | 1.306.314.353.627 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.22 | 660.000.000.000 | 660.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 660.000.000.000 | 660.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.22 | 611.965.459.100 | 611.965.459.100 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | V.22 | (27.417.629.848) | (27.417.629.848) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.22 | 8.651.672.241 | 61.766.524.375 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 2.721.799.375 | 61.766.524.375 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 5.929.872.866 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 3.111.619.894.020 | 3.203.261.670.043 |

An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2016


Huỳnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu

Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởngNguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND


| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VL.1 | 2.498.117.829.458 | 2.768.182.015.220 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VL.2 | 19.145.025.303 | 8.467.043.693 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 2.478.972.804.155 | 2.759.714.971.527 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VL.3 | 2.129.550.153.255 | 2.362.779.030.360 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 349.422.650.900 | 396.935.941.167 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VL.4 | 48.582.334.936 | 29.651.296.255 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VL.5 | 181.331.589.437 | 80.985.519.431 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 79.878.032.012 | 63.209.096.252 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VL.6 | 139.166.117.697 | 173.360.969.189 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VL.7 | 65.107.696.333 | 109.692.818.063 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 12.399.582.369 | 62.547.930.739 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VL.8 | 9.478.634.293 | 10.211.445.159 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VL.9 | 13.057.257.588 | 2.252.616.677 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (3.578.623.295) | 7.958.828.482 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 8.820.959.074 | 70.506.759.221 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.16 | 2.891.086.208 | - |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 5.929.872.866 | 70.506.759.221 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VL.10 | - | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VL.10 | - | - |

An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2016


Huỳnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu


Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng




Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|------------------------|-------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 8.820.959.074 | 70.506.759.221 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9; V.10; V.11 | 49.513.616.022 | 43.322.213.816 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6; V.7; V.13 | 83.088.757.937 | 63.842.276.586 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.5 | 114.888.061 | 1.285.454.704 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4; VI.8 | (27.649.650.128) | (21.147.396.502) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 79.878.032.012 | 63.209.096.252 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 193.766.602.978 | 221.018.404.077 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 238.080.883.050 | 130.360.394.308 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (162.735.382.227) | (275.496.187.961) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (139.031.963.213) | 164.205.665.612 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 13.233.468.853 | 32.409.549.893 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | VI.5; V.18 | (79.752.026.090) | (62.993.259.099) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.16 | - | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.21 | (131.541.352) | (161.973.807.641) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 63.430.041.999 | 47.530.759.189 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9,10,11,12; VII.1 | (65.067.946.094) | (111.791.470.703) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 247.372.727 | 220.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | V.4 | (118.000.000) | (70.694.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | V.4 | 67.404.062.000 | 16.017.606.65 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | V.13 | (107.545.000.000) | (241.982.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | V.13 | 5.698.000.000 | 18.481.000.00 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | VI.4; V.5a | 24.498.670.341 | 19.586.477.59 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (74.882.841.026) | (370.162.386.457) |


CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT


Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

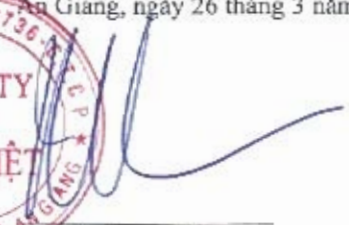
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|--------------|-----------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.20a; V.20b | 5.046.763.339.125 | 4.537.647.326.595 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.20a; V.20b | (4.971.934.520.588) | (4.212.777.576.045) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | (31.255.007.130) | (19.633.817.732) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.19; V.22 | (27.609.035.924) | (33.792.746.426) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 15.964.775.483 | 271.443.186.392 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 4.511.976.456 | (51.188.440.876) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 5.981.177.965 | 57.163.377.789 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 5.824.402 | 6.241.052 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 10.498.978.823 | 5.981.177.965 |


Huỳnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu


Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng


Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc



An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|--|---|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương | Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. | Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH thủy sản Biển Đông | 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang. | Kinh doanh thủy sản xuất khẩu | 90,91% | 90,91% | 90,91% |

Các Công ty liên doanh, liên kết

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|--|--|---------------|-------------------|------------------------|
| Công ty cổ phần DAP số 2 – VinaChem | Xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. | Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm phân bón và hóa chất | 40,5% | 40,5% | 40,5% |
| Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh | Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. | Chế biến và bảo quản rau quả | 44,44% | 44,44% | 44,44% |

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo sổ

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo sổ là Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản – Chi nhánh Công ty cổ phần Nam Việt, địa chỉ tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chủ yếu là chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 30 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 - 08 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 02 - 07 |

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị | 05 - 11 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 |

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chỉ trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 572.405.840 | 223.018.115 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 9.926.572.983 | 5.758.159.850 |
| Cộng | 10.498.978.823 | 5.981.177.965 |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 59.783.066 | 46.265.135.997 |
| Công ty TNHH thủy sản Biển Đông | - | 45.491.835.997 |
| Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương | 59.783.066 | - |
| Ông Doãn Chí Thanh | - | 773.300.000 |
| Phải thu các khách hàng khác | 251.410.436.442 | 384.495.360.930 |
| Các khách hàng nước ngoài | 248.951.358.038 | 381.535.667.768 |
| Các khách hàng trong nước | 2.459.078.404 | 2.959.693.162 |
| Cộng | 251.470.219.508 | 430.760.496.927 |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước cho người bán khác | | |
| Các nhà cung cấp nước ngoài | 95.170.887 | - |
| Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá | 72.320.029.471 | 84.224.394.800 |
| Các nhà cung cấp trong nước khác | 9.710.151.789 | 11.926.876.841 |
| Cộng | 82.125.352.147 | 96.151.271.641 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | 67.318.565.000 |
| Cho Công ty TNHH thủy sản Biển Đông vay với lãi suất 0%/năm | - | 67.318.565.000 |
| <i>Phải thu các cá nhân khác</i> | 1.485.000.000 | 502.497.000 |
| Cho Bà Cao Thị Kim Thanh vay với lãi suất 12%/năm (*) | 950.000.000 | - |
| Cho Bà Nguyễn Thảo Trang vay với lãi suất 0%/năm (*) | 500.000.000 | 500.000.000 |
| Cho các tổ chức và cá nhân khác vay, mượn | 35.000.000 | 2.497.000 |
| Cộng | 1.485.000.000 | 67.821.062.000 |

(*) Số dư nợ phải thu này đã quá hạn và Công ty đang trích lập dự phòng với tổng số tiền trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 695.000.000 VND.

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|-----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 9.363.858.885 | - | 1.179.665.573 | - |
| Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương - Phải thu tiền hàng do khách hàng chuyển nhầm | - | - | 951.051.552 | - |
| Công ty TNHH thủy sản Biển Đông - Cho mượn | - | - | 6.715.491 | - |
| Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh - Phải thu tiền bán vật tư | 5.386.832 | - | - | - |
| Công ty TNHH Đại Tây Dương - Cho mượn vật tư | - | - | 8.208.530 | - |
| Ông Doãn Chí Thiên - Tạm ứng | - | - | 213.690.000 | - |
| Thành viên Hội đồng quản trị - Phải thu lại tiền đất chậm nộp | 9.358.472.053 | - | - | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 45.144.598.751 | (269.400.682) | 175.216.711.984 | (856.076.393) |
| Tạm ứng | 5.168.476.227 | - | 8.235.976.499 | - |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 3.981.180.521 | - | 1.132.691.928 | - |
| Tiền lãi cho vay | 476.479.546 | (269.400.682) | 421.361.079 | - |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược (*) | 32.113.080.000 | - | 153.614.979.360 | - |
| Ký quỹ cho hãng tàu để nhập hàng bị trả lại về | 1.111.570.663 | - | - | - |
| Thuế nhập khẩu chờ hoàn | - | - | 111.968.608 | - |
| Ông Đỗ Thanh Xuân - Tiền cho mượn | 1.454.798 | - | 9.689.536.500 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 2.292.356.996 | - | 2.010.198.010 | (856.076.393) |
| Cộng | 54.508.457.636 | (269.400.682) | 176.396.377.557 | (856.076.393) |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Công ty cầm cố tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền là 31.700.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang (số đầu năm là 153.614.979.360 VND để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang và Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh).

5b. Phải thu dài hạn khác
Ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|-----------------------------------|---|-----------------------|---------------------------|---|------------------------|---------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Phải thu tiền bán hàng | | 48.701.040.658 | 18.648.218.670 | | 105.713.931.259 | 18.790.750.569 |
| | Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm | 10.790.636.786 | 7.553.445.750 | Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm | 6.351.488.750 | 4.446.042.125 |
| | Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | 4.757.975.000 | 2.378.987.500 | Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | 25.940.235.006 | 12.970.117.503 |
| | Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm | 29.052.618.068 | 8.715.785.420 | Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm | 4.581.969.804 | 1.374.590.941 |
| | Quá hạn trên 03 năm | 4.099.810.804 | - | Quá hạn trên 03 năm | 68.840.237.699 | - |
| Phải thu cho vay | | 1.450.000.000 | 755.000.000 | | 502.497.000 | 251.248.500 |
| | Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm | 950.000.000 | 665.000.000 | Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm | - | - |
| | Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | - | - | Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | 502.497.000 | 251.248.500 |
| | Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm | 300.000.000 | 90.000.000 | Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm | - | - |
| | Quá hạn trên 03 năm | 200.000.000 | - | Quá hạn trên 03 năm | - | - |
| Phải thu khác | | 476.479.546 | 207.078.864 | | 3.002.892.706 | 506.512.345 |
| | Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm | 57.316.667 | 40.121.667 | Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm | 500.000.000 | 350.000.000 |
| | Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | 281.833.333 | 125.758.333 | Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | 203.964.187 | 101.982.094 |
| | Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm | 137.329.546 | 41.198.864 | Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm | 181.767.504 | 54.530.251 |
| | Quá hạn trên 03 năm | - | - | Quá hạn trên 03 năm | 2.117.161.015 | - |
| Cộng | | 50.627.520.204 | 19.610.297.534 | | 109.219.320.965 | 19.548.511.414 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay ngắn hạn khó đòi như sau:

| | |
|----------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 89.670.809.551 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 11.041.749.811 |
| Xóa nợ | (69.695.336.692) |
| Số cuối năm | 31.017.222.670 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | 71.457.555.498 | - | 107.909.512.703 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 79.696.037.650 | - | 79.778.476.063 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 4.028.932.646 | - | 2.472.831.100 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 496.889.549.968 | - | 565.581.035.975 | - |
| Thành phẩm | 628.679.794.854 | (1.660.540.609) | 365.611.590.753 | (1.182.010.022) |
| Hàng hóa | - | - | 194.103.548 | - |
| Hàng gửi đi bán | 28.102.870.236 | - | 24.571.808.483 | - |
| Cộng | 1.308.854.740.852 | (1.660.540.609) | 1.146.119.358.625 | (1.182.010.022) |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | |
|--------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.182.010.022 |
| Trích lập dự phòng | 478.530.587 |
| Số cuối năm | 1.660.540.609 |

Hàng tồn kho có trị giá 37.208.227.547 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền thuê đất | 4.120.434.082 | 760.824.167 |
| Công cụ dụng cụ | 810.247.500 | 5.000.250.585 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 989.896.165 | 21.433.332 |
| Cộng | 5.920.577.747 | 5.782.508.084 |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền thuê đất | 33.261.394.013 | 36.801.641.147 |
| Công cụ dụng cụ | 9.137.955.466 | 22.394.234.029 |
| Chi phí sửa chữa | 1.922.852.469 | 2.515.000.157 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 4.464.882.621 | 400.015.036 |
| Cộng | 48.787.084.569 | 62.110.890.369 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 137.026.943.745 | 241.970.162.591 | 19.512.796.323 | 7.510.551.611 | 406.020.454.270 |
| Mua trong năm | 42.829.732 | 3.912.792.668 | 126.000.000 | - | 4.081.622.400 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 8.808.437.477 | 421.991.583 | - | - | 9.230.429.060 |
| Chuyển sang công cụ, dụng cụ | - | (59.400.724) | - | - | (59.400.724) |
| Thanh lý, nhượng bán | (224.416.108) | - | (217.950.000) | - | (442.366.108) |
| Giảm khác | (77.117.423) | - | - | - | (77.117.423) |
| Số cuối năm | 145.576.677.423 | 246.245.546.118 | 19.420.846.323 | 7.510.551.611 | 418.753.621.475 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 25.433.910.611 | 116.315.070.895 | 12.267.474.802 | 5.836.427.338 | 159.852.883.646 |
| Chờ thanh lý | | | | | |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 77.560.877.473 | 150.108.177.482 | 14.413.473.882 | 6.399.854.849 | 248.482.383.686 |
| Khấu hao trong năm | 8.112.920.354 | 24.624.251.443 | 1.144.718.953 | 503.186.427 | 34.385.077.177 |
| Chuyển sang công cụ, dụng cụ | - | (11.668.008) | - | - | (11.668.008) |
| Thanh lý, nhượng bán | (224.416.108) | - | (217.950.000) | - | (442.366.108) |
| Số cuối năm | 85.449.381.719 | 174.720.760.917 | 15.340.242.835 | 6.903.041.276 | 282.413.426.747 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 59.466.066.272 | 91.861.985.109 | 5.099.322.441 | 1.110.696.762 | 157.538.070.584 |
| Số cuối năm | 60.127.295.704 | 71.524.785.201 | 4.080.603.488 | 607.510.335 | 136.340.194.728 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | 574.035.000 | - | - | 574.035.000 |
| Dang chờ thanh lý | | | | | |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 31.746.031 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang.

10. Tài sản cố định thuê tài chính

| | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Cộng |
|--------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 82.631.825.829 | 3.725.952.000 | 86.357.777.829 |
| Thuê tài chính trong năm | 23.054.596.859 | 5.184.734.546 | 28.239.331.405 |
| Số cuối năm | 105.686.422.688 | 8.910.686.546 | 114.597.109.234 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Cộng |
|------------------------|----------------------------|--|-----------------------|
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 19.821.226.943 | 382.851.791 | 20.204.078.734 |
| Khấu hao trong năm | 13.077.364.783 | 974.474.534 | 14.051.839.317 |
| Số cuối năm | 32.898.591.726 | 1.357.326.325 | 34.255.918.051 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 62.810.598.886 | 3.343.100.209 | 66.153.699.095 |
| Số cuối năm | 72.787.830.962 | 7.553.360.221 | 80.341.191.183 |

11. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm | Cộng |
|---|--------------------------|----------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 116.673.761.675 | 361.998.100 | 117.035.759.775 |
| Kết chuyển tạm theo hợp đồng chuyển nhượng | 56.165.000.000 | - | 56.165.000.000 |
| Tăng do nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 42.458.040.650 | - | 42.458.040.650 |
| Số cuối năm | 215.296.802.325 | 361.998.100 | 215.658.800.425 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 361.998.100 | 361.998.100 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 569.697.155 | 315.210.100 | 884.907.255 |
| Khấu hao trong năm | 1.029.911.528 | 46.788.000 | 1.076.699.528 |
| Số cuối năm | 1.599.608.683 | 361.998.100 | 1.961.606.783 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 116.104.064.520 | 46.788.000 | 116.150.852.520 |
| Số cuối năm | 213.697.193.642 | - | 213.697.193.642 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng Đang chờ thanh lý | | | |

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 67.776.281.522 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong.

Ngoài ra, Công ty còn dùng Quyền sử dụng đất của Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương tọa lạc tại phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang có giá trị còn lại theo sổ sách là 38.018.688.862 VND để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển - Chi nhánh Bắc An Giang.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển giảm khác | Số cuối năm |
|--|------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------|------------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | 164.723.102.303 | 84.436.163.157 | (107.853.469.710) | (31.294.252.698) | 110.011.543.052 |
| Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất | 127.589.266.127 | 78.179.200.108 | (98.623.040.650) | (18.716.944.108) | 88.428.481.477 |
| Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản | 30.796.605.859 | 2.450.662.696 | (1.803.920.570) | (12.572.694.951) | 18.870.653.034 |
| Nhà máy chế biến thức ăn | 6.337.230.317 | 3.467.483.223 | (7.245.533.392) | (4.613.639) | 2.554.566.509 |
| Các hạng mục khác | - | 338.817.130 | (180.975.098) | - | 157.842.032 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | - | 362.422.454 | - | (362.422.454) | - |
| Cộng | 164.723.102.303 | 84.798.585.611 | (107.853.469.710) | (31.656.675.152) | 110.011.543.052 |

13. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ bao gồm đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

13a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty con | 39.499.104.000 | (44.558.624) | 39.499.104.000 | (686.482.829) |
| Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương ⁽ⁱ⁾ | 36.000.000.000 | - | 36.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH thủy sản Biển Đông ⁽ⁱⁱ⁾ | 3.499.104.000 | (44.558.624) | 3.499.104.000 | (686.482.829) |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 624.900.000.000 | (67.876.418.118) | 517.355.000.000 | - |
| Công ty cổ phần DAP số 2 - VinaChem ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 612.900.000.000 | (66.292.897.256) | 517.355.000.000 | - |
| Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh ^(iv) | 12.000.000.000 | (1.583.520.862) | - | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 215.325.000.000 | (17.468.819.930) | 221.023.000.000 | (13.134.836.304) |
| Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải (MSB) | 135.000.000.000 | - | 135.000.000.000 | - |
| Công ty cổ phần bảo hiểm Hàng Không | 43.200.000.000 | - | 43.200.000.000 | - |
| Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt ^(v) | 5.821.000.000 | - | 11.519.000.000 | - |
| Công ty cổ phần cromit Cổ Định Thanh Hóa | 20.304.000.000 | (6.468.819.930) | 20.304.000.000 | (2.134.836.304) |
| Công ty cổ phần cromit Nam Việt | 11.000.000.000 | (11.000.000.000) | 11.000.000.000 | (11.000.000.000) |
| Cộng | 879.724.104.000 | (85.389.796.672) | 777.877.104.000 | (13.821.319.133) |



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5704000012 ngày 26 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ 36.000.000.000 VND vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 521022000154 chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 5 năm 2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH thủy sản Biển Đông là 4.824.000.000 VND, tương đương 90,91% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp 3.499.104.000 VND vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300265969 ngày 18 tháng 02 năm 2009, thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem là 607.500.000.000 VND, tương đương 40,5% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 95.545.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 60.750.000 cổ phiếu, tương đương 40,5% vốn điều lệ của Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem (số đầu năm là 51.195.500 cổ phiếu, tương đương 34,13%). Công ty đã thế chấp toàn bộ chứng chỉ góp vốn này tại Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 18013991357 ngày 03 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh 12.000.000.000 VND, tương đương 44,44% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ 12.000.000.000 VND.
- (v) Trong năm, Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt hoàn trả một phần vốn góp cho các thành viên theo Thông báo số 18/2015/CV-VCAM ngày 02 tháng 2 năm 2015, do thu nhỏ quy mô.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty cổ phần DAP số 2 – VinaChem, Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh hiện đã kết thúc giai đoạn chạy thử và đã đi vào hoạt động trong năm 2015. Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 13.821.319.133 | 9.611.883.741 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 71.568.477.539 | 4.209.435.392 |
| Số cuối năm | 85.389.796.672 | 13.821.319.133 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|------------------|
| Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương | | |
| Bán thành phẩm, bao bì | 217.204.053.633 | 236.182.883.005 |
| Bán nguyên vật liệu | 133.683.592 | 15.270.941 |
| Chi phí gia công | 311.894.911.733 | 286.848.924.193 |
| Mua thành phẩm đông lạnh | 89.632.000 | 5.313.299.924 |
| Mua vật tư, nguyên liệu | 29.850.235 | 249.349.331 |
| Mua công cụ, dụng cụ | 91.701.518 | - |
| Chi phí xây dựng cơ bản | - | 200.000.000 |
| Mua tài sản cố định | - | 182.704.394 |
| Chia cổ tức | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Công ty TNHH thủy sản Biển Đông | | |
| Cho vay | 25.000.000 | 67.976.000.000 |
| Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh | | |
| Bán nguyên liệu, vật tư | 676.111.363 | - |
| Vay | 14.290.000.000 | - |

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để thế chấp, bảo lãnh

Công ty đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty cổ phần DAP số 2 - VinaChem để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong- Chi nhánh An Giang.

Công ty dùng 4.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Bảo Hiểm Hàng Không thuộc sở hữu của công ty để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.20a).

14. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 30.515.472.506 | 1.944.042.214 |
| Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương | 30.390.840.906 | 1.930.998.114 |
| Công ty TNHH Đại Tây Dương | 124.631.600 | 13.044.100 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 192.911.256.913 | 350.163.758.619 |
| Các nhà cung cấp trong nước | 123.025.227.315 | 183.784.828.898 |
| Các nhà cung cấp nước ngoài | 69.886.029.598 | 166.378.929.721 |
| Cộng | 223.426.729.419 | 352.107.800.833 |

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|-----------------------|
| Trả trước của các khách hàng khác | | |
| Các khách hàng nước ngoài | 1.937.706.876 | 20.363.376.535 |
| Các khách hàng trong nước | 5.792.762.723 | 2.591.309.840 |
| Cộng | 7.730.469.599 | 22.954.686.375 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 7.053.170.993 | (7.053.170.993) | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 23.060.363 | 564.580.488 | (587.640.851) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 2.891.086.208 | - | 2.891.086.208 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.183.539.844 | 2.768.925.833 | (3.167.133.542) | 785.332.135 |
| Thuế tài nguyên | - | 43.575.750 | (39.274.750) | 4.301.000 |
| Thuế môn bài | - | 4.000.000 | (4.000.000) | - |
| Cộng | 1.206.600.207 | 13.325.339.272 | (10.851.220.136) | 3.680.719.343 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|---|-----------------|
| - Thành phẩm xuất khẩu | 0% |
| - Cá nguyên liệu - Công ty tự nuôi bán tổ chức, cá nhân | Không chịu thuế |
| - Cá nguyên liệu - Công ty mua ngoài bán tổ chức | Không kê khai |
| - Cá nguyên liệu - Công ty mua ngoài bán cá nhân | 5% |
| - Sản phẩm dịch vụ khác | 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 8.820.959.074 | 70.506.759.221 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 25.998.105.819 | 15.983.332.504 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (1.227.299.255) | (1.427.865.802) |
| Thu nhập chịu thuế | 33.591.765.638 | 85.062.225.923 |
| Thu nhập được miễn thuế | (12.302.878.800) | (13.739.000.000) |
| Lỗi các năm trước được chuyển | (6.926.829.035) | (71.323.225.923) |
| Thu nhập tính thuế | 14.362.057.803 | - |
| Trong đó: | | |
| - Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%) | 3.836.664.410 | - |
| - Thu nhập không được hưởng ưu đãi | 10.525.393.393 | - |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 2.891.086.208 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Lương tháng 12, tháng 13 và lương phép còn phải trả nhân viên.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | | |
| Chi phí lãi vay | 1.288.170.937 | 1.162.165.015 |
| Chi phí cước tàu | 3.004.511.597 | 1.015.452.125 |
| Chi phí hoa hồng môi giới | 1.202.586.583 | 4.654.323.766 |
| Chi phí kiểm nghiệm | 298.051.000 | 328.070.000 |
| Chi phí học lớp Thạc sỹ | 425.077.500 | - |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 295.270.160 | 115.000.000 |
| Cộng | 6.513.667.777 | 7.275.010.906 |

19. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>57.952.612.078</i> | <i>24.996.243.007</i> |
| Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả | 41.152.674.950 | 17.379.589.474 |
| Ông Doãn Chí Thiên - Cổ tức phải trả | 15.224.376.600 | 7.612.188.300 |
| Công ty TNHH thủy sản Biển Đông - Mượn tiền | 1.567.845.628 | - |
| Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương - Phải trả khác | - | 4.070.095 |
| Công ty TNHH Đại Tây Dương - Phải trả khác | 7.714.900 | 395.138 |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | <i>4.374.541.798</i> | <i>6.927.257.601</i> |
| Tài sản thừa chờ giải quyết | 900.141.786 | 1.243.000 |
| Bảo hiểm xã hội | - | 1.179.678.753 |
| Bảo hiểm y tế | - | 211.623.426 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | - | 93.774.040 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.125.214.572 | 296.105.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 1.453.901.400 | 1.403.486.100 |
| Công nợ hàng hóa tạm nhập | - | 2.393.675.980 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 895.284.040 | 1.347.671.302 |
| Cộng | 62.327.153.876 | 31.923.500.608 |

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------------|--------------------------|
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | <i>135.343.381.384</i> | <i>197.691.022.384</i> |
| Vay Công ty TNHH Đại Tây Dương ^(a) | 10.635.022.384 | 88.171.022.384 |
| Vay Công ty TNHH Thanh Thiên | - | 7.100.000.000 |
| Vay Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh ^(b) | 2.490.000.000 | - |
| Vay Ông Doãn Tới ^(c) | 418.359.000 | 2.420.000.000 |
| Vay Bà Dương Thị Kim Hương ^(d) | 121.800.000.000 | 100.000.000.000 |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>1.149.093.467.247</i> | <i>1.153.244.541.974</i> |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 1.082.856.179.746 | 1.133.777.053.945 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang ^(e) | 405.719.094.787 | 331.561.602.080 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình | - | 85.369.000.000 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(f) | 29.971.099.635 | 16.770.000.000 |
| Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang | - | 104.600.000.000 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang ^(g) | 37.964.240.000 | 175.033.479.000 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong- Chi nhánh An Giang ^(h) | 171.539.816.222 | 24.611.942.558 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾ | 281.252.626.288 | 273.143.278.723 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng | - | 122.687.751.584 |
| Chi nhánh Ngân hàng United Overseas Bank - TP. Hồ Chí Minh ^(m) | 42.789.445.692 | - |
| Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam - TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁿ⁾ | 113.619.857.122 | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b) | 40.875.000.000 | - |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b) | 25.362.287.501 | 19.467.488.029 |
| Cộng | 1.284.436.848.631 | 1.350.935.564.358 |

(a) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH Đại Tây Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cho vay 0%, thời hạn vay 12 tháng.

(b) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cho vay 0%, thời hạn vay 03 tháng.

(c) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng.

(d) Vay không có tài sản đảm bảo Bà Dương Thị Kim Hương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (e) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11).
- (f) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương và được đảm bảo bằng 9.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nam Việt thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị.
- (g) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty (xem thuyết minh số V.9) và máy móc thiết bị của Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương.
- (h) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11), tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.6a).
- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11).
- m) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng United Overseas Bank - TP. Hồ Chí Minh không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ.
- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam - TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng 4.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Bảo Hiểm Hàng Không thuộc sở hữu của Công ty, các chứng khoán thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị bao gồm 158.027 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, 681.427 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu, 185.027 cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, 415.892 cổ phiếu Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE và các chứng khoán thuộc sở hữu của cá nhân có liên quan bao gồm 1.871.991 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, 2.695.500 cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn, tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.5a).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|-------------------------------|--------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|------------------------------|--------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 1.133.777.053.945 | 4.664.581.639.125 | - | 902.666.264 | (4.716.405.179.588) | 1.082.856.179.746 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | 95.271.022.384 | 26.905.000.000 | - | - | (109.051.000.000) | 13.125.022.384 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 102.420.000.000 | 136.276.700.000 | - | - | (116.478.341.000) | 122.218.359.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | - | - | 58.875.000.000 | - | (18.000.000.000) | 40.875.000.000 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 19.467.488.029 | 4.835.687.631 | 25.422.592.856 | 261.880.167 | (24.625.361.182) | 25.362.287.501 |
| Cộng | 1.350.935.564.358 | 4.832.599.026.756 | 84.297.592.856 | 1.164.546.431 | (4.984.559.881.770) | 1.284.436.848.631 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i> | <i>82.141.578.844</i> | <i>82.141.578.844</i> |
| Vay Ông Doãn Tới ^(a) | 82.141.578.844 | 82.141.578.844 |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>164.266.387.196</i> | <i>23.158.730.443</i> |
| Vay dài hạn ngân hàng | 148.125.000.000 | - |
| Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang ^(b) | 114.000.000.000 | - |
| Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(c) | 34.125.000.000 | - |
| Nợ thuê tài chính | 16.141.387.196 | 23.158.730.443 |
| <i>Thuê tài chính Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu để mua máy móc thiết bị</i> | <i>4.137.663.420</i> | <i>18.735.627.278</i> |
| <i>Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Chailease để mua máy móc thiết bị</i> | <i>2.879.810.963</i> | <i>2.262.196.563</i> |
| <i>Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị</i> | <i>9.123.912.813</i> | <i>2.160.906.602</i> |
| Cộng | 246.407.966.040 | 105.300.309.287 |

- (a) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 36 tháng.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8.5%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phần vốn góp tại Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem (xem thuyết minh số V.13a).
- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để đầu tư mở rộng vùng nuôi cá tra nguyên liệu với lãi suất 9%/năm trong 3 năm đầu, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Tổng nợ | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm |
|-------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 148.000.000.000 | 40.875.000.000 | 148.125.000.000 | - |
| Vay dài hạn các cá nhân | 82.141.578.844 | - | 82.141.578.844 | - |
| Nợ thuê tài chính | 41.503.674.697 | 25.362.287.501 | 16.141.387.196 | - |
| Cộng | 312.645.253.541 | 66.237.287.501 | 246.407.966.040 | - |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | - | - | - | - |
| Vay dài hạn các cá nhân | 82.141.578.844 | - | 82.141.578.844 | - |
| Nợ thuê tài chính | 42.626.218.472 | 19.467.488.029 | 23.158.730.443 | - |
| Cộng | 124.767.797.316 | 19.467.488.029 | 105.300.309.287 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Chênh lệch tỷ giá | Số tiền vay đã trả trong năm | Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | Số cuối năm |
|-------------------------|------------------------|---------------------------------------|----------------------|---------------------------------|--|------------------------|
| Vay dài hạn ngắn hạn | | - 219.000.000.000 | | - (12.000.000.000) | (58.875.000.000) | 148.125.000.000 |
| Vay dài hạn các cá nhân | 82.141.578.844 | - | - | - | - | 82.141.578.844 |
| Nợ thuê tài chính | 23.158.730.443 | 24.857.254.672 | 177.640.885 | (6.629.645.948) | (25.422.592.856) | 16.141.387.196 |
| Cộng | 105.300.309.287 | 243.857.254.672 | 177.640.885 | (18.629.645.948) | (84.297.592.856) | 246.407.966.040 |

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng khác | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|-----------------|----------------------|-------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 135.808.712 | - | (3.577.552) | 132.231.160 |
| Quỹ phúc lợi | 1.106.213.871 | 95.668.349 | (127.963.800) | 1.073.918.420 |
| Cộng | 1.242.022.583 | 95.668.349 | (131.541.352) | 1.206.149.580 |

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------|------------------------|------------------------|
| Ông Đoàn Tới | 299.500.000.000 | 299.500.000.000 |
| Ông Doãn Chí Thanh | 90.000.000.000 | 90.000.000.000 |
| Ông Doãn Chí Thiên | 90.000.000.000 | 90.000.000.000 |
| Các cổ đông khác | 176.552.500.000 | 176.552.500.000 |
| Cộng | 656.052.500.000 | 656.052.500.000 |

22c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 66.000.000 | 66.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 66.000.000 | 66.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 66.000.000 | 66.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 394.750 | 394.750 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 394.750 | 394.750 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 65.605.250 | 65.605.250 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 65.605.250 | 65.605.250 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 41/2015/NQ.ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2015 như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông : 59.044.725.000 VND

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**23a. Ngoại tệ các loại**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 287.728,66 | 223.303,10 |
| Euro (EUR) | 2.467,30 | 2.489,11 |

23b. Nợ khó đòi đã xử lý

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-----------------------|--------------------|------------------------|-------------------|-----------------------|
| | <u>Nguyên tệ</u> | <u>VND</u> | <u>Nguyên tệ</u> | <u>VND</u> |
| Khách hàng nước ngoài | 7.606.056,56 | 143.569.199.745 | 4.293.825,76 | 74.732.739.846 |
| Khách hàng trong nước | - | 19.318.039.922 | - | 18.991.995.271 |
| Cộng | | 162.887.239.667 | | 93.724.735.117 |

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 357.046.724 | 19.592.773.458 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 2.492.278.383.498 | 2.741.688.098.996 |
| Doanh thu bán nguyên liệu | 3.127.869.590 | 5.950.383.759 |
| Doanh thu khác | 2.354.529.646 | 950.759.007 |
| Cộng | 2.498.117.829.458 | 2.768.182.015.220 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.13, Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Công ty TNHH Đại Tây Dương với số tiền là 40.638.034 VND (năm trước là 3.110.400.000 VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------|-----------------------|----------------------|
| Hàng bán bị trả lại | 15.868.186.623 | 4.773.749.575 |
| Giảm giá hàng bán | 3.276.838.680 | 3.693.294.118 |
| Cộng | 19.145.025.303 | 8.467.043.693 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Giá vốn hàng bán**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 283.735.548 | 18.240.758.638 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 2.123.400.979.264 | 2.341.611.245.583 |
| Giá vốn của nguyên liệu đã bán | 3.870.463.682 | 3.118.903.208 |
| Giá vốn khác | 1.516.444.174 | - |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 478.530.587 | (191.877.069) |
| Cộng | 2.129.550.153.255 | 2.362.779.030.360 |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 5.620.855.603 | 3.096.317.877 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 13.715.299 | 106.734.915 |
| Lãi tiền cho vay | 9.478.542.998 | 4.091.692.408 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 12.302.878.800 | 13.739.000.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 21.166.342.236 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 8.617.551.055 |
| Cộng | 48.582.334.936 | 29.651.296.255 |

5. Chi phí tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay | 79.878.032.012 | 63.209.096.252 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 29.770.028.662 | 12.131.533.083 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 114.888.061 | 1.285.454.704 |
| Dự phòng dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 71.568.640.702 | 4.359.435.392 |
| Cộng | 181.331.589.437 | 80.985.519.431 |

6. Chi phí bán hàng

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 4.991.705.697 | 3.360.824.489 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 386.604.296 | 357.035.523 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 171.710.936 | - |
| Chi phí hoa hồng | 16.297.102.396 | 22.261.362.039 |
| Chi phí vận chuyển | 80.537.743.627 | 85.524.329.240 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 35.276.689.593 | 60.253.305.249 |
| Các chi phí khác | 1.504.561.152 | 1.604.112.649 |
| Cộng | 139.166.117.697 | 173.360.969.189 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 33.439.994.652 | 31.747.635.627 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 1.988.075.969 | 2.337.189.431 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 812.407.859 | 1.354.736.031 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 913.205.287 | 812.698.417 |
| Thuế, phí và lệ phí | 5.797.422.475 | 5.327.652.050 |
| Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi | 11.041.749.811 | 59.674.718.263 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.288.786.069 | 2.668.074.329 |
| Chi phí bằng tiền khác | 7.826.054.211 | 5.770.113.915 |
| Cộng | 65.107.696.333 | 109.692.818.063 |

8. Thu nhập khác

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|-----------------------|
| Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 247.372.727 | 220.386.217 |
| Thu cho thuê | 1.861.737.563 | 1.421.555.007 |
| Tiền phạt vi phạm hợp đồng | 206.393.595 | 4.596.000.990 |
| Thu nhập từ hàng khuyến mãi | 95.505.012 | 981.788.617 |
| Thu nhập từ bán phế liệu | 75.909.366 | 391.190.903 |
| Xử lý công nợ tồn lâu | 5.232.372.524 | - |
| Thu nhập khác | 1.759.343.506 | 2.600.523.425 |
| Cộng | 9.478.634.293 | 10.211.445.159 |

9. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|----------------------|
| Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng | 82.005.000 | 82.005.000 |
| Chi phí công cụ dụng cụ không sử dụng | 897.451.537 | 483.733.835 |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 11.127.651.314 | 626.691.649 |
| Phạt do vi phạm hợp đồng | 88.642.561 | 383.775.304 |
| Xử lý công nợ tồn lâu | 231.623.159 | - |
| Chi phí khác | 629.884.017 | 676.410.889 |
| Cộng | 13.057.257.588 | 2.252.616.677 |

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.686.263.454.850 | 2.077.300.867.976 |
| Chi phí nhân công | 202.897.740.381 | 187.933.819.460 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 49.554.381.620 | 43.240.208.816 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 557.996.485.063 | 434.993.896.901 |
| Chi phí khác | 28.952.516.227 | 74.590.351.373 |
| Cộng | 2.525.664.578.141 | 2.818.059.144.526 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền và bằng tiền liên quan đến tài sản cố định như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------|------------------|
| Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ | 148.981.324 | 3.886.376.759 |
| Mua tài sản thông qua nghiệp vụ thuê tài chính | 31.902.050.529 | 19.633.817.732 |
| Ứng trước mua tài sản | 4.157.490.400 | 50.472.600 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------|------------------|
| Các thành viên Hội đồng quản trị | | |
| Ông Đoàn Tới | | |
| Công ty đi vay | 29.526.700.000 | 83.767.000.000 |
| Công ty chia cổ tức | 26.955.000.000 | 26.955.000.000 |
| Ông Đoàn Chí Thanh | | |
| Tạm ứng | 210.000.000 | 212.200.000 |
| Công ty chia cổ tức | 8.100.000.000 | 7.612.188.300 |
| Ông Đỗ Lập Nghiệp | | |
| Tạm ứng | 20.000.000 | - |
| Thành viên Hội đồng quản trị | | |
| Phải thu lại tiền đất chậm nộp | 9.358.472.053 | - |
| Các thành viên Ban điều hành | | |
| Bà Dương Thị Kim Hương | | |
| Công ty đi vay | 105.050.000.000 | - |
| Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt | | |
| Ông Đoàn Chí Thiên | | |
| Tạm ứng | 85.670.000 | 263.690.000 |
| Công ty chia cổ tức | 8.100.000.000 | 7.612.188.300 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cam kết bảo lãnh

Ông Đoàn Tới dùng 137.415 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, 681.427 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu, 161.163 cổ phiếu của Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, 415.892 cổ phiếu của Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.20a).

Ông Đoàn Chí Thiên dùng 1.627.819 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, 2.695.500 cổ phiếu của Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.20a).

Ông Đoàn Chí Thanh dùng 9.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nam Việt thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.20a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.2, V.5, V.19, và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 882.096.380 VND (năm trước là 867.889.930 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh
Công ty TNHH Đại Tây Dương
Công ty TNHH Thanh Thiên
Công ty cổ phần cromit Nam Việt
Triple T Corporation (USA)

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty do con của chủ tịch HĐQT thành lập tại Hoa Kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|-----------------|
| Công ty TNHH Đại Tây Dương | | |
| Công ty đi vay | 12.615.000.000 | 112.721.963.881 |
| Bán thành phẩm, bao bì, vật tư | 40.638.034 | 3.110.400.000 |
| Cho vay | | 1.868.000.000 |
| Lãi cho vay | - | 75.044.736 |
| Chi phí gia công | - | 67.370.331 |
| Mua nguyên vật liệu | 68.502.564 | 37.696.332 |
| Thu hộ | 8.087.278 | 1.476.627 |
| Công ty cổ phần Cromit Nam Việt | | |
| Công ty cho vay | - | 850.000.000 |

Cam kết bảo lãnh

Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương dùng tài sản cố định thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.20a).

Ngoài ra, Công ty thế chấp Quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển - Chi nhánh Bắc An Giang (xem thuyết minh số V.11). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 38.018.688.862 VND (số đầu năm là 0 VND).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Xuất khẩu | 2.034.698.806.727 | 2.221.359.504.095 |
| Trong nước | 444.273.997.428 | 538.355.467.432 |
| Cộng | 2.478.972.804.155 | 2.759.714.971.527 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng Chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

| | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh |
|---|------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|
| Bảng cân đối kế toán | | | | |
| Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 67.821.062.000 | (67.821.062.000) | - |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | | (150.000.000) | 150.000.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | (75.175.466.289) | 229.735.707.859 | 154.560.241.570 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | - | 67.821.062.000 | 67.821.062.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 14.345.343.262 | 162.051.034.295 | 176.396.377.557 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | (89.520.809.551) | (150.000.000) | (89.670.809.551) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | - | 13.611.564 | 13.611.564 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 195.174.530.925 | (162.064.645.859) | 33.109.885.066 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | 162.064.645.859 | (162.064.645.859) | - |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | - | 7.028.848.533 | 7.028.848.533 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | - | 7.028.848.533 | 7.028.848.533 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | 69.139.738.902 | (7.028.848.533) | 62.110.890.369 |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | 7.028.848.533 | (7.028.848.533) | - |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | | | | |
| Thu nhập khác | 31 | 10.914.058.943 | (702.613.784) | 10.211.445.159 |
| Chi phí khác | 32 | 2.955.230.461 | (702.613.784) | 2.252.616.677 |

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị ở nước ngoài nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là tương đối cao.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các cá nhân liên quan vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4e về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|---------------------------------------|--|--------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 10.498.978.823 | - | - | - | 10.498.978.823 |
| Phải thu khách hàng | 202.769.178.850 | - | - | 48.701.040.658 | 251.470.219.508 |
| Các khoản cho vay | 35.000.000 | - | - | 1.450.000.000 | 1.485.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 61.290.710.899 | - | - | 476.479.546 | 61.767.190.445 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 184.021.000.000 | - | - | 31.304.000.000 | 215.325.000.000 |
| Cộng | 458.614.868.572 | - | - | 81.931.520.204 | 540.546.388.776 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 5.981.177.965 | - | - | - | 5.981.177.965 |
| Phải thu khách hàng | 324.665.880.422 | - | - | 106.094.616.505 | 430.760.496.927 |
| Các khoản cho vay | 67.321.062.000 | - | - | 500.000.000 | 67.821.062.000 |
| Các khoản phải thu khác | 173.571.190.671 | - | - | 1.224.311.876 | 174.795.502.547 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 189.719.000.000 | - | - | 31.304.000.000 | 221.023.000.000 |
| Cộng | 761.258.311.058 | - | - | 139.122.928.381 | 900.381.239.439 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|--------------------------|------------------------|------------|--------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay và nợ | 1.284.436.848.631 | 246.407.966.040 | - | 1.530.844.814.671 |
| Phải trả người bán | 223.426.729.419 | - | - | 223.426.729.419 |
| Các khoản phải trả khác | 67.940.679.867 | - | - | 67.940.679.867 |
| Cộng | 1.575.804.257.917 | 246.407.966.040 | - | 1.822.212.223.957 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 1.350.935.564.358 | 105.300.309.287 | - | 1.456.235.873.645 |
| Phải trả người bán | 352.107.800.833 | - | - | 352.107.800.833 |
| Các khoản phải trả khác | 37.712.192.295 | - | - | 37.712.192.295 |
| Cộng | 1.740.755.557.486 | 105.300.309.287 | - | 1.846.055.866.773 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|-----------------------|-----------------|----------|------------------------|-----------------|-------------------|
| | USD | EUR | CNY | USD | EUR | CNY |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 287.728,66 | 2.467,30 | - | 223.303,10 | 2.489,11 | - |
| Phải thu khách hàng | 11.158.372,57 | - | - | 17.832.301,75 | - | 987.261,20 |
| Các khoản phải thu khác | 275.999,60 | - | - | 206.272,94 | - | - |
| Vay và nợ | (12.076.383,61) | - | - | (31.661.169,17) | - | - |
| Phải trả người bán | (3.100.533,70) | - | - | (7.785.995,11) | - | - |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ | (3.454.816,48) | 2.467,30 | - | (21.185.286,49) | 2.489,11 | 987.261,20 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------------|----------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
| | VND | USD | VND | USD |
| Vay và nợ | (1.041.215.254,434) | (12.076.383,61) | (499.835.748,423) | (31.661.169,17) |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần | (1.041.215.254,434) | (12.076.383,61) | (499.835.748,423) | (31.661.169,17) |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế năm nay và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 20.824.305.089 VND (năm trước giảm/tăng 9.996.714.968 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.5a). Giá trị sổ sách của tài sản tài chính thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 31.700.000.000 VND (số đầu năm là 153.614.979.360 VND).

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4e. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 10.498.978.823 | - | 5.981.177.965 | - |
| Phải thu khách hàng | 251.470.219.508 | (30.052.821.988) | 430.760.496.927 | (86.923.180.690) |
| Các khoản cho vay | 1.485.000.000 | (695.000.000) | 67.821.062.000 | (251.248.500) |
| Các khoản phải thu khác | 61.767.190.445 | (269.400.682) | 174.795.502.547 | (2.496.380.361) |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 215.325.000.000 | (17.468.819.930) | 221.023.000.000 | (13.134.836.304) |
| Cộng | 540.546.388.776 | (48.486.042.600) | 900.381.239.439 | (102.805.645.855) |

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Phải trả người bán | 1.530.844.814.671 | 1.456.235.873.645 |
| Vay và nợ | 223.426.729.419 | 352.107.800.833 |
| Các khoản phải trả khác | 67.940.679.867 | 37.712.192.295 |
| Cộng | 1.822.212.223.957 | 1.846.055.866.773 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

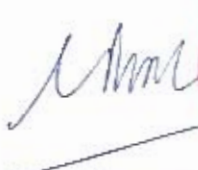
5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2016



Huỳnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu



Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 660.000.000.000 | 611.965.459.100 | (27.417.629.848) | 58.304.490.154 | 1.302.852.319.406 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 70.506.759.221 | 70.506.759.221 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (8.000.000.000) | (8.000.000.000) |
| Chia cổ tức trong năm | - | - | - | (59.044.725.000) | (59.044.725.000) |
| Số dư cuối năm trước | 660.000.000.000 | 611.965.459.100 | (27.417.629.848) | 61.766.524.375 | 1.306.314.353.627 |
| Số dư đầu năm nay | 660.000.000.000 | 611.965.459.100 | (27.417.629.848) | 61.766.524.375 | 1.306.314.353.627 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 5.929.872.866 | 5.929.872.866 |
| Chia cổ tức trong năm | - | - | - | (59.044.725.000) | (59.044.725.000) |
| Số dư cuối năm nay | 660.000.000.000 | 611.965.459.100 | (27.417.629.848) | 8.651.672.241 | 1.253.199.501.493 |

Đơn vị tính: VND

TP. Long Xuyên, ngày 26 tháng 3 năm 2016



(Signature)

Huỳnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu

Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc



Trích yếu: "Giải trình chênh lệch lợi nhuận
trước thuế Công ty mẹ năm 2015 trước và sau kiểm toán"

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ như sau:

- Lợi nhuận trước thuế năm 2015 trước kiểm toán: 11.530.943.300 đồng
- Lợi nhuận trước thuế năm 2015 sau kiểm toán: 8.820.959.074 đồng
- Lợi nhuận thấp hơn sau kiểm toán: 2.709.984.226 đồng.

Lý do:

- Công ty trích lập thêm các khoản dự phòng: 2.218.060.702 đồng.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng: 194.699.450 đồng do chênh lệch đánh giá lại các khoản ký quỹ.
- Chi phí bán hàng giảm: 189.000.000 đồng do điều chỉnh chi phí cước vận chuyển
- Giá vốn tăng: 875.622.974 đồng do điều chỉnh tăng một số khoản chi phí.

Công ty xin giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban TGD
- Lưu VT

K.T. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Nhứt